TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 25-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự.

2. Ông Thành Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số: 54/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 04/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hữu N.

Địa chỉ: phường N, thành phố N, tỉnh H. (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 02 năm 2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc Y, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp

pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Ngọc Y và Ngân hàng T có thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2016, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất tháng đối với giao dịch rút tiền mặt là 2,5%, đối với giao dịch thanh toán là 2,15%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Y có thực hiện nhiều giao dịch và phát sinh dư nợ gốc của ông Y là 8.304.741 đồng. Ngân hàng T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Y không thanh toán cho Ngân hàng T được số tiền nợ gốc lãi nào. Đến ngày 01/10/2018, Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/01/2022, ông Y còn nợ Ngân hàng T số tiền 24.234.786 đồng. Trong đó: nợ gốc 8.304.741, nợ lãi quá hạn là 15.930.045 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bị đơn ông Lê Ngọc Y đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến về việc tranh chấp.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Hữu N phát biểu yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Ngọc Y thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vốn, lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là là 24.234.786 đồng và phần tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi ông Y thanh toán xong nợ. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay gốc, lãi vay quá hạn cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật, nguyên đơn được nhận lại tiền tàm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn trong vụ án là ông Lê Ngọc Y có nơi cư trú tại ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Y là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai

tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa xét thấy*:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2016, có chữ ký xác nhận của ông Lê Ngọc Y thể hiện ông Lê Ngọc Y và Ngân hàng T có thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất tháng đối với giao dịch rút tiền mặt là 2,5%, đối với giao dịch thanh toán là 2,15%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các phải thực hiện đối với nhau theo cam kết. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Y có thực hiện nhiều giao dịch và phát sinh dư nợ gốc của ông Y là 8.304.741 đồng. Tính đến ngày 25/01/2022, ông Y còn nợ Ngân hàng Thương Tín số tiền 24.234.786 đồng. Trong đó: nợ gốc 8.304.741, nợ lãi quá hạn là 15.930.045 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Ngọc Y không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh đã thanh toán được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đối với số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng T. Do đó, Tòa căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định ông Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hiện còn nợ Ngân hàng T số tiền vốn, lãi tính đến ngày 25/01/2022 là 24.234.786 đồng. Trong đó: nợ gốc 8.304.741, nợ lãi quá hạn là 15.930.045 đồng.

Với những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T là có căn cứ chấp nhận, buộc ông Lê Ngọc Y có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Tín số tiền vay vốn, lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.234.786 đồng.

[5] Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc Y chịu án phí theo mức có giá ngạch trên toàn bộ giá trị số tiền bị buộc trả theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Ngân hàng Thương Tín được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lê Ngọc Y có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/01/2022) là 24.234.786 đồng. Trong đó: nợ gốc 8.304.741, nợ lãi quá hạn là 15.930.045 đồng.

Ông Lê Ngọc Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày tuyên án (ngày 26/01/2022) với Ngân hàng T theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc Y chịu 1.211.700 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017175 ngày 22/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Em